Điền vào phiếu

Nghĩa tiếng Anh	Nghĩa tiếng Việt
1. Body	
2. Mouth	
3. Tooth	
4. Teeth	
5. Ear	
6. Eye	
7. Face	
8. Leg	
9. Tail	
10. Hair	
11. Hand	
12. Nose	
13. Head	
14. Monster	
15. Alien	

LIVEWORKSHEETS